

Số: 03 /2010/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2010

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 3533/10CMA Ngày: 12/4/2010

**QUYẾT ĐỊNH**

- P. UV<sub>2</sub>  
- v. th. h. q.

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Linh Trung – Linh Tây, quận Thủ Đức.

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC**

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12
- Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam : QCXDVN 01: 2008/BXD;
- Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/03/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Công văn số 1335/BXD-KTQH ngày 08/07/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Công văn số 1168/UBND-ĐTMT ngày 23/3/2009 của UBND Thành phố về thực hiện Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 5287/QĐUB-QLĐT ngày 14/09/1999 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chung quận Thủ Đức;
- Căn cứ Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 20/09/2008 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;
- Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 01/08/2005 của UBND quận Thủ Đức về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ



1/2000 Khu dân cư liên phường Linh Trung-Linh Tây, quận Thủ Đức diện tích 90,8ha;

- Căn cứ kết quả thẩm định số 3401/SQHKT-QHKV2 ngày 26/11/2009 của Sở Quy Hoạch Kiến Trúc.

- Căn cứ Quyết định số: 1448/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 03 năm 2010 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 01/08/2005 của UBND quận Thủ Đức về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Linh Trung-Linh Tây, quận Thủ Đức.

- Xét đề nghị của Phòng Quản lý Đô thị tại tờ trình số 142/TTr-QLĐT ngày 30 / 3 /2010 đề nghị phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Linh Trung – Linh Tây, quận Thủ Đức.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Linh Trung – Linh Tây, quận Thủ Đức gồm các nội dung sau:

#### **1. Về vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Tổng diện tích khu đất quy hoạch : 90,80 ha.
- Ranh giới :
  - + Phía Đông : giáp đường Kha Vạn Cân
  - + Phía Tây : giáp đường sắt Bắc Nam.
  - + Phía Nam : giáp khu dân cư
  - + Phía Bắc : giáp ranh giới tỉnh Bình Dương.

#### **2. Lý do và sự cần thiết phải lập quy hoạch:**

- Trên cơ sở Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung quận Thủ Đức đã được UBND Thành phố phê duyệt, quận Thủ Đức hiện đang rất cần có các đồ án quy hoạch chi tiết cho từng khu vực, tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý quy hoạch xây dựng, triển khai các dự án đầu tư, đáp ứng được yêu cầu phát triển thực tế và lâu dài, xây dựng không gian và môi trường sống tốt cho dân cư phù hợp với định hướng phát triển tổng thể kinh tế xã hội trên địa bàn quận.

- Định hướng phát triển kịp thời các khu đô thị tất yếu hình thành do yêu cầu phát triển các hệ thống giao thông chiến lược, trong đó có tuyến đường vành đai Thành phố.

#### **3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

- Xác định phạm vi, quy mô của khu vực lập quy hoạch chi tiết.
- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
- Xác định lại cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, quỹ đất dành cho đầu tư khu dân cư, công trình công cộng và có giữ lại 1 quỹ đất dành cho sản xuất công nghiệp hiện hữu dạng không ô nhiễm. Các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với định hướng quy hoạch chung của quận Thủ Đức. Xây dựng một khu dân cư phù hợp quy hoạch, làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng trong khu vực.

- Làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản lý đô thị sau quy hoạch, gắn kết với các đồ án quy hoạch chi tiết khu vực lân cận đã được duyệt.

#### 4. Cơ cấu sử dụng đất các chỉ tiêu quy hoạch-kiến trúc:

##### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất :

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>75,60</b>	<b>83,26</b>
1	Đất ở	47,36	52,16
	- Đất ở hiện hữu chính trang	28,31	
	- Đất ở xây dựng mới	19,05	
	- Đất công trình công cộng	1,86	
	- Đất dịch vụ - thương mại	0,60	
	- Giáo dục	4,05	
	* Đất giáo dục hiện hữu	0,19	
	* Đất giáo dục xây dựng mới	3,86	
	+ Trường cấp 1+2	3,19	
	+ Nhà trẻ - mẫu giáo	0,67	
3	Đất công viên cây xanh - TĐTT	3,77	4,16
4	Đất giao thông (đôi nội)	17,96	19,78
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>15,20</b>	<b>16,74</b>
1	Đất giao thông đôi ngoại	9,12	
2	Đất quân sự	1,14	
3	Đất tôn giáo	0,59	
4	Đất cơ sở sản xuất - công nghiệp hiện hữu	4,35	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90,80</b>	<b>100</b>

##### 4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch-kiến trúc:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	M <sup>2</sup> / người
1	Dân số dự kiến	người	12.000
2	Tầng cao xây dựng	Tối đa Tầng	18
		Tối thiểu Tầng	1
3	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m <sup>2</sup> /ng	63,00
	+ Đất ở	m <sup>2</sup> /ng	39,47
	+ Đất CTCC	m <sup>2</sup> /ng	5,42
	+ Đất cây xanh công viên & cảnh quan	m <sup>2</sup> /ng	3,64
	+ Đất giao thông (nội bộ)	m <sup>2</sup> /ng	14,97

## 5. Bố cục phân khu chức năng:

a. Khu ở : diện tích 47,36ha

- Khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang:

+ Diện tích đất : 28,31 ha.

+ Tầng cao : 1 – 8 tầng.

- Khu nhà ở xây dựng mới (trong đó có đất ở trong đất hỗn hợp: chung cư cao tầng kết hợp các công trình văn phòng – dịch vụ đô thị, và đất xây dựng nhà ở liên kế và biệt thự), diện tích đất: 19,05 ha.

\* Chung cư:

+ Mật độ xây dựng : 40%.

+ Tầng cao : tối đa 18 tầng.

\* Nhà liên kế:

+ Mật độ xây dựng : 70 - 100%.

+ Tầng cao : tối đa 8 tầng.

\* Biệt thự:

+ Mật độ xây dựng : 50%.

+ Tầng cao : 1 - 3 tầng.

b. Công trình công cộng : diện tích 6,51ha

Đất giáo dục:

- Đất trường mầm non :

+ Diện tích đất : 0,67 ha.

+ Mật độ xây dựng : tối đa 40 %.

+ Tầng cao : 2 – 3 tầng (trong đó tầng 3 không bố trí lớp học).

- Đất trường cấp 1 - 2 : diện tích 4,05ha.

\* Trường hiện hữu (diện tích 0,19ha): cải tạo chỉnh trang.

\* Trường xây dựng mới :

+ Diện tích đất : 3,86 ha.

+ Mật độ xây dựng : tối đa 40 %.

+ Tầng cao : 3 – 4 tầng.

Công trình dịch vụ công cộng - thương mại:

+ Diện tích đất : 0,6 ha.

+ Mật độ xây dựng : tối đa 40 %.

+ Tầng cao : tối đa 5 tầng.

Các công trình công cộng khác:

Bố trí công trình hành chính phục vụ toàn khu. Ngoài ra, còn có các công trình công cộng trong các khu đất hỗn hợp (khi các chủ đầu tư triển khai dự án, cần yêu cầu bố trí các loại hình công trình công cộng như nhà trẻ-mẫu giáo, dịch vụ công cộng... bảo đảm phục vụ đủ cho nhu cầu của dự án).

c. Cây xanh công viên - TDTT:

+ Diện tích đất : 3,77 ha.

+ Mật độ xây dựng : tối đa 5 %.

+ Tầng cao : tối đa 1 tầng.

- Về chiều cao xây dựng công trình trong khu quy hoạch: căn cứ theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chương

ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam, tầng cao xây dựng sẽ được xem xét thấp hoặc bằng tầng cao tối đa tùy theo định hướng phát triển không gian theo thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 tại từng khu vực, từng tuyến đường.

## **6. Quy hoạch không gian kiến trúc – thiết kế đô thị :**

### **6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

#### **6.1.1. - Bố cục không gian kiến trúc toàn khu:**

- Giữ lại khu dân cư tập trung ổn định, tạo mạng lưới giao thông thông suốt cho toàn khu vực nghiên cứu với các khu lân cận và ngay trong từng ô phố. Các công trình công cộng hiện hữu được giữ lại, cải tạo với mật độ và tầng cao tùy theo chức năng của từng công trình. Đồng thời, bố trí thêm một số công trình giáo dục đảm bảo phục vụ cho cư dân địa phương dựa trên nguyên tắc bán kính phục vụ và hệ thống mạng lưới giáo dục của toàn khu. Tận dụng những khu vực đất trống, dân cư thưa, xây dựng tạm, di dời những nghĩa trang nhỏ, những công ty sản xuất ô nhiễm ra khỏi khu dân cư để tổ chức công viên cây xanh và bố trí công trình cao tầng.

- Tổ chức mạng lưới giao thông phù hợp với đô thị cải tạo, bằng cách nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và xây dựng mới một số tuyến để nối kết các khu chức năng với nhau.

- Các công trình kiến trúc được thiết kế phù hợp cho từng chức năng, với hình thức kiến trúc đa dạng, hiện đại.

- Dọc trục lộ chính và khu vực, nhằm tạo được bộ mặt kiến trúc đa dạng, phong phú, sẽ ưu tiên bố trí các công trình công cộng, chung cư cao tầng.

#### **6.1.2 - Bố cục không gian các khu vực trọng tâm, các tuyến, các điểm :**

Tập trung những công trình công cộng xây dựng mới, kết hợp mảng công viên thể dục thể thao tại khu vực đất trống. Tại đây đã có trường tiểu học hiện hữu, xây dựng thêm thành trung tâm văn hoá giáo dục. Với mật độ xây dựng thấp, những công trình này góp phần tạo nên mảng xanh cho đô thị có dân cư hiện hữu tập trung dày đặc. Cụm công viên vườn hoa giáp đường xe lửa, phía Tây khu quy hoạch hình thành hành lang cây xanh mở, tạo sự thông thoáng cho khu vực.

### **6.2. Thiết kế đô thị:**

Trong các giai đoạn tiếp theo có nghiên cứu thể hiện cho từng đơn vị ở, tập trung các công trình cao tầng trên các tuyến đường chính, trực thương mại dịch vụ; ngoài ra có thể lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 phù hợp cho từng khu vực riêng biệt.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật :**

### **7.1. Quy hoạch giao thông:**

Tổ chức mạng lưới đường nội bộ và định hướng kết nối với mạng lưới đường khu vực.

- Mạng lưới giao thông được tổ chức phù hợp và chia làm các loại đường có lộ giới khác nhau như sau :

\* Loại đường có lộ giới 60 m : lòng đường 40 m (18 - 4 - 18), vỉa hè mỗi bên 10 m.

\* Loại đường có lộ giới 30 m : lòng đường 16 m (7,5 - 1 - 7,5), vỉa hè mỗi bên 7 m.

\* Loại đường có lộ giới 27 m : lòng đường 15 m, vỉa hè mỗi bên 6 m.

\* Loại đường có lộ giới 25 m : lòng đường 15 m, vỉa hè mỗi bên 5 m.

\* Loại đường có lộ giới 20 m : lòng đường 10,5 m, vỉa hè mỗi bên 4,75 m.

\* Loại đường có lộ giới 16 m : lòng đường 8 m, vỉa hè mỗi bên 4 m.

\* Loại đường có lộ giới 12 m : lòng đường 6 m, vỉa hè mỗi bên 3 m.

Lưu ý:

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m thuộc quy hoạch hẻm, căn cứ theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố về ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố để xác định cụ thể. Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo.

- Bán kính cong tại các giao lộ và phân chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, dự án cụ thể.

- Vạt góc tại các giao lộ cần thực hiện theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông.

- Về khoảng lùi công trình so với ranh lộ giới (chi giới xây dựng), sẽ được xác định khi triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc các quy định về quản lý kiến trúc đô thị của cấp có thẩm quyền.

## 7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

\* *Quy hoạch chiều cao (san nền):*

+ Tổ chức san ủi cục bộ, hoàn thiện nền xây dựng theo nguyên tắc bám sát hướng dốc và cao độ nền địa hình tự nhiên của khu vực.

+ Hướng dốc nền: dốc hướng Đông Bắc – Tây Nam về phía nút giao đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành Đai Ngoài và Tô Ngọc Vân.

+ Cao độ nền xây dựng biến đổi từ 3,50m đến 29,60m (Hệ cao độ VN 2000).

\* *Quy hoạch thoát nước mưa:*

+ Tổ chức thoát riêng mạng lưới thoát nước bản và mưa, sử dụng công đặt ngầm, tính toán thủy lực công theo chu kỳ tràn  $T=3$  năm với công cấp 2 và  $T=2$  năm với công cấp 3, 4.

+ Bố trí công dọc các trục đường giao thông trong khu vực và tập trung theo 2 lưu vực thoát nước chính:

• Lưu vực 1 (phía Bắc đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành Đai Ngoài): dẫn thoát về phía Tây Nam ra rạch Cầu Ông Việt và mương hiện trạng dọc đường sắt (thuộc hệ thống rạch Gò Dưa).

• Lưu vực 2 (phía Nam đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành Đai Ngoài): dẫn về rạch Thủ Đức theo 2 trục thoát chính: về tuyến công hợp

B1600x1600 cắt ngang đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành Đai Ngoài và tuyến cống chính dọc đường Kha Vạn Cân.

+ Các thông số kỹ thuật mạng lưới:

- Thống nhất với quy mô lưu vực và kích thước đề xuất thiết kế cho các tuyến cống khu vực, kích thước cống biến đổi từ  $\Phi 600\text{mm}$  đến  $\Phi 1500\text{mm}$ .

- Độ sâu chôn cống tối thiểu  $H_c \geq 0,70\text{m}$ ; độ dốc cống xác định theo độ dốc nền xây dựng với độ dốc tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch.

### 7.3. Quy hoạch cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện: 2000 ÷ 3000 KWh/người/năm.

+ Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Thủ Đức Bắc.

+ Cải tạo các trạm biến áp 15-22/0,4KV hiện hữu, tháo dỡ các trạm biến áp có ngoài trời, công suất nhỏ, vị trí không còn phù hợp quy hoạch.

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng  $\geq 400\text{KVA}$ , loại trạm phòng, trạm đơn thân.

+ Cải tạo mạng trung thế 15KV hiện hữu, nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.

+ Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W – 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

### 7.4. Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước  $\Phi 500$  và  $\Phi 250$  trên đường Kha Vạn Cân thuộc hệ thống nhà máy nước Thủ Đức.

+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt : 200 lít/người/ngày.

+ Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp: 60 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

+ Tổng nhu cầu dùng nước: 5214 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Phương án bố trí thiết kế mạng lưới cấp nước.

- Lưu ý: Điều chỉnh tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy là 15 lít/s cho một đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy theo TCVN 2622-1995.

### 7.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

#### a. Thoát nước bản:

+ Giải pháp thoát nước bản: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, giai đoạn đầu tạm xả ra cống thoát nước mưa, giai đoạn hoàn chỉnh nước thải được đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung M4 công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày tại phường Trường Thọ xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.

+ Tổng lượng nước thải: 4462 m<sup>3</sup>/ngày (khoảng 80% lượng nước cấp)

+ Phương án bố trí thiết kế mạng lưới thoát nước hợp lý, phù hợp giải pháp thoát nước và đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Lưu ý: tiêu chuẩn nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định tại cột A-TCVN-5945-2005.

#### b. Rác thải và vệ sinh môi trường:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.

- + Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 14,4 tấn/ngày.
- + Rác thải được thu gom và vận chuyển về khu xử lý rác thành phố.
- + Địa điểm tập kết rác tại Khu liên hiệp xử lý rác thành phố tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

#### **7.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:**

Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

#### **8. Các điểm lưu ý quan trọng khác:**

+ Hình thức quy cách thể hiện bản vẽ theo quyết định 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và Quyết định số 03/2008/TT-BXD ngày 31/03/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

+ Đối với các khu đất dọc các sông rạch, cần phải tuân thủ qui định về chi giới sông, rạch và không được xây dựng công trình kiến trúc theo quy định trong phạm vi này. Đối với hành lang bờ rạch cần tuân thủ theo quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09/6/2004 của UBND thành phố. Việc san lấp sông rạch trong khu vực lập quy hoạch (nếu có) cần có thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của UBND thành phố.

+ Việc bố trí xây dựng các công trình xung quanh các nút giao thông chính khu vực cần căn cứ vào thiết kế quy hoạch chi tiết nút giao thông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 2.**

1/ Giao phòng Tài nguyên – Môi trường quận Thủ Đức phối hợp phòng Quản lý đô thị, UBND phường Linh Tây tiến hành cắm mốc các tuyến hạ tầng kỹ thuật chính, mốc ranh các khu cây xanh tập trung, công trình công cộng trên bản đồ giải thửa hiện hành để quản lý, cụ thể hóa các mốc này trên thực địa khi triển khai dự án.

2/ Giao phòng Quản lý đô thị phối hợp với các Sở - ngành thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, tổng hợp báo cáo và đề xuất UBND quận Thủ Đức các giải pháp quản lý, đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt.

3/ Giao ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Thủ Đức phối hợp các phòng chức năng của Quận lập kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt trên, trình UBND Quận thông qua.

**Điều 3:** Trên cơ sở quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, phòng Quản lý đô thị quận Thủ Đức và UBND Phường chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định này, đồng thời thông báo kịp thời cho nhân dân và các đơn vị kinh tế - xã hội có liên quan trên địa bàn bàn về nội dung quy hoạch



cùng các văn bản liên quan khác để thực hiện quản lý tốt việc sử dụng quỹ và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng UBND quận Thủ Đức, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng ban liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận *AM*

- UBND TP: PCT/ĐT (để báo cáo)
- TT. Quận ủy (để báo cáo)
- Sở QHKT;
- Sở XD;
- Sở TN&MT
- Sở KH&ĐT
- Viện QHXD TP
- P QLĐT, PTCKII, P TNMT, Thanh tra XD;
- UBND P. Linh Tây
- Lưu /QH 1-2000

TM **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN**  
**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Trương Văn Thống**



